

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-3-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Thắm.

Bà Nguyễn Thị Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 671/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1973 “Vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn B, sinh năm: 1973 “Vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Ô 5/388A, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-11-2020 và qua các lần làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà cùng chồng là ông B sống chung với nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có nữ trang ngày cưới nhưng vợ chồng đã bán nên không còn. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G vào ngày 06-9-2006. Sau khi cưới ông bà sống chung với cha mẹ chồng tại khu phố T, thị trấn G. Đến năm 2004 vợ chồng mua đất cất nhà ra riêng.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Hà Thị Bé H, sinh ngày 01-8-2001, hiện đã có gia đình và sống riêng.

Vợ chồng chung sống có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận chia xong.

Về nợ chung: Không có.

Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bà thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập vợ con, có lần chồng bà đánh nhau với con rể; lần khác chồng bà dùng rựa rượt đuổi đòi chặt chân bà, nên mẹ con bà luôn sống trong tâm trạng lo sợ. Bà có báo Công an thị trấn G mời chồng bà làm việc nhưng chồng bà vẫn không thay đổi. Ngoài ra, chồng bà còn vô tâm không lo lắng gì cho gia đình. Hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau, mạnh ai làm nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn.

Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng bà. Về con chung cháu Bé H đã thành niên và có khả năng lao động được bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-01-2021, bị đơn ông Hà Văn B trình bày: Thống nhất theo phần lớn lời trình bày của bà T. Đối với phần mâu thuẫn, ông bổ sung thêm vợ chồng hiện sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ ông.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất như toàn bộ lời trình bày của vợ ông là bà M và không bổ sung gì thêm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M với ông B; Đồng thời, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông bà về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà M và ông B chung sống với nhau vào năm 1998, có tình hiểu, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G vào ngày 06-9-2006, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà M có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa ông bà thì thấy: Giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do ông B thường xuyên uống rượu về chửi bới vợ con và dùng rựa hăm dọa đòi chặt chân bà M. Ngoài ra, bà M còn cho rằng ông B không lo lắng gì cho gia đình. Ông B thống nhất với lời trình bày của bà M về việc ông thường xuyên uống rượu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Khi bà M yêu cầu ly hôn ông B đồng ý. Do ông bà cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông bà. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà thống nhất: Con chung của ông bà là cháu Hà Thị Bé H, sinh ngày 01-8-2001, hiện đã thành niên và có khả năng lao động được, ông bà không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Hà Văn B. Bà M được ly hôn với ông B.

2/. Về con chung: Con chung của ông bà là cháu Hà Thị Bé H, sinh ngày 01-8-2001, đã thành niên và có khả năng lao động được. Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Bà M chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012599 ngày 01-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bà M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- UBND thị trấn G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh